

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

-VNT Logistics JSC-

Năm báo cáo: 2015

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và các Đối tác!

Nhìn lại kinh tế Việt nam năm 2015, nhiều chuyên gia nhận định rằng kinh tế vĩ mô Việt nam tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp, cơ cấu nền kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực. Nhưng kinh tế toàn cầu năm 2015 nhìn chung phát triển chậm và không ổn định, dù đã xuất hiện một số tín hiệu lạc quan. Có thể thấy, sau hơn 7 năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (năm 2008), kinh tế thế giới vẫn chưa lấy lại được đà tăng trưởng như trước đó.

Cùng với quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên và sự ủng hộ quý báu của các Quý vị Cổ đông, các khách hàng, đối tác và các cơ quan hữu quan, và một số thuận lợi về sự phục hồi nền kinh tế Việt nam trong năm 2015, và mặc dù cũng còn nhiều thách thức khó khăn, trong năm 2015 công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương đã cố gắng để đạt được kết quả kinh doanh cao, hoàn thành kế hoạch vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ thường niên 2015 đề ra.

Kinh tế thế giới năm 2016 được dự đoán là có phục hồi nhưng không vững chắc, nhưng vẫn có nhiều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng GDP của Việt nam trong năm 2016, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB CNV VNTlogistics quyết tâm phấn đấu ổn định và phát triển kinh doanh, mở rộng các dự án đầu tư, quản lý chi phí, tăng doanh thu để mang lại lợi ích cho các bên, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

Tôi tin rằng VNT Logistics sẽ ngày càng phát triển lớn mạnh theo con đường đã vạch ra, với sự ủng hộ và hợp tác tốt đẹp của Quý vị Khách hàng, quý vị Cổ đông và các Đối tác.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn tới các cơ quan hữu quan, các Cổ đông, Quý khách hàng và các nhà cung cấp đã tin tưởng, chia sẻ và hợp tác để VNTLogistics ngày càng phát triển bền vững, thịnh vượng.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!



THÔNG TIN CHUNG:

Thông tin khái quát :

Tên công ty: Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
Tên tiếng anh: The Van cargoes and Foreign trade logistics joint stock company.
Tên giao dịch: **VNT LOGISTICS**
Mã chứng khoán: **VNT**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101352858
Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Giang- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Trụ sở chính: Số 2 Bích cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà nội
ĐT: (84-4) 37321 090- Fax: (84-4) 37321 083
Email: inf@vntlogistics.com
Website: www.vntlogistics.com
Vốn điều lệ: 85.852.900.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 85.852.900.000 VNĐ
Chi nhánh Công ty tại:

Hải phòng: 208 đường chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải phòng
ĐT: (84-31) 3765 819- Fax: (84-31) 3765 820
Email: hph@vnthp.com.vn

Quảng ninh: Số 1 đường Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Công ty con Hanotrans tại:

Hà nội: Số 2 Bích cầu, quận Đống Đa, Hà nội
ĐT: (84-4) 37322 542- Fax: (84-4) 37322 895
Email: inf@hanotrans.com.vn

Website: www.hanotrans.com.vn

Hải phòng: Bãi VNT, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải phòng

ĐT: (84-31) 3978 169- Fax: (84-31) 3978 798

Hồ chí minh: Số 6 Võ Văn Kiệt, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ chí minh

ĐT: (84-8) 38210953- Fax: (84-8) 3.8210954

Depot VNTLogistics tại:

Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải phòng

Tel: (84-3) 3978 169- Fax: (84-31) 3978 798

197
CỔ
C
101
160
197

Quá trình phát triển Công ty

- Tháng 6/1996 : Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans) thành lập chi nhánh tại Hà nội- Vinatrans Hà nội
- Tháng 4/2003 Cổ phần hóa chi nhánh Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương- Vinatrans Hà nội
- Năm 2006 VNT Logistics kỷ niệm 10 năm thành lập và vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng do các thành tích kinh doanh xuất sắc.
- Tháng 8/2009 chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội.
- Tháng 5/2011 thay đổi thương hiệu nhận diện mới từ VINATRANS HA NOI sang VNT Logistics

Những thành tích Công ty đạt được

| Năm | Thành tích đạt được |
|------|--|
| 2001 | Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” Bảng khen của Bộ Thương Mại |
| 2002 | Bảng khen của Bộ Thương Mại Bảng khen của Thủ tướng Chính Phủ Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” |
| 2003 | Bảng khen của Bộ Thương Mại Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” |

| Năm | Thành tích đạt được |
|------|--|
| 2004 | Bảng khen của Bộ Thương Mại Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” |
| 2005 | Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” |
| 2006 | Huân chương lao động hạng 3 |
| 2007 | Bảng khen của Bộ Thương Mại |

1101 / 101

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

| Năm | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Mức tăng vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Hình thức tăng vốn |
|------|--------------------------|-----------------------------------|--|
| 2003 | 12 | - | - |
| 2004 | 12 | - | - |
| 2005 | 24 | 12 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100% |
| 2006 | 24 | - | - |
| 2007 | 54,72 | 30,72 | Phát hành cổ phiếu thường với tỷ lệ 70% Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 Phát hành cho CBCNV có đóng góp đến sự phát triển của Công ty |
| 2015 | 85.852 | 31.13 | Phát hành cho đối tác chiến lược của Công ty Phát hành CP theo chương trình Esop cho CBCNV Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 |

Ngành nghề kinh doanh

Bốc xếp hàng hóa: Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đường Thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:

Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng xuất nhập khẩu;

Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;

Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;

Đại lý tàu biển

Kinh doanh vận tải hàng hóa đa phương thức;

Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hóa xuất nhập khẩu);

Đại lý, môi giới, đấu giá: Môi giới hàng hải

Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu

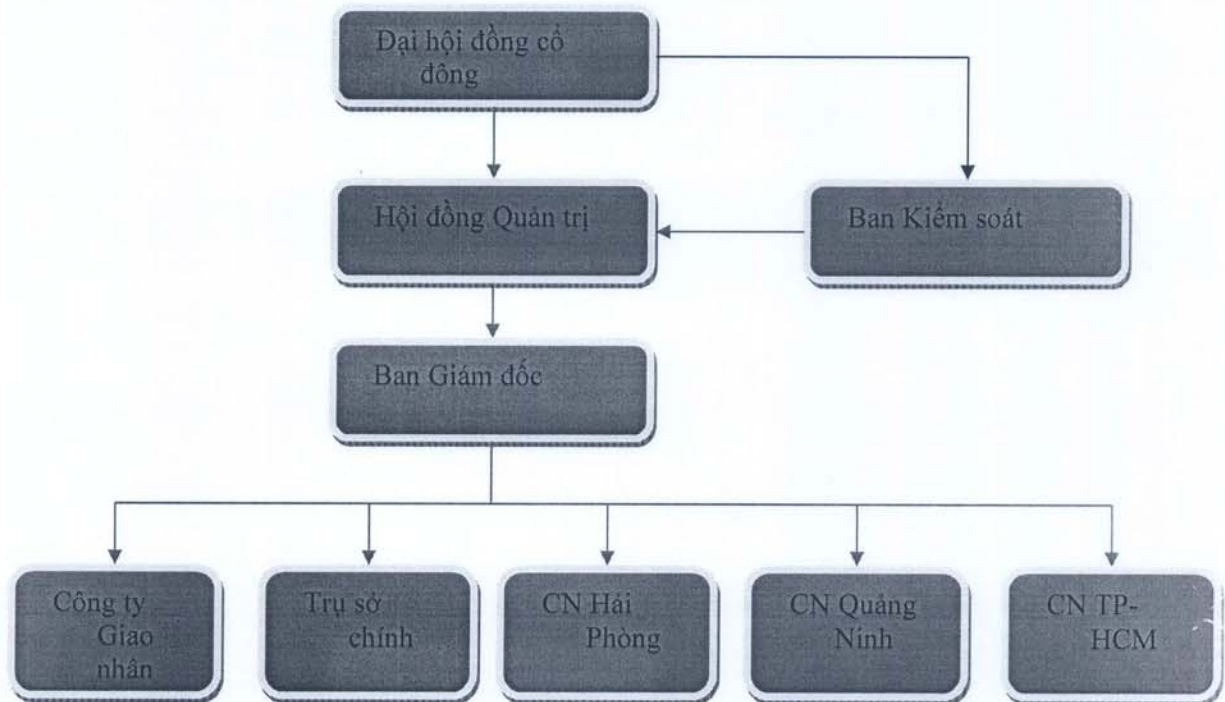
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh
- Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu
Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải
Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh

Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Định hướng phát triển

Với mức tăng trưởng khả quan năm 2015, và các kết quả kinh doanh tốt đẹp đã đạt được, tiếp sang năm 2016, Công ty vẫn tiếp tục phát triển các mảng kinh doanh chính về dịch vụ hàng không, đường biển, hoàn thiện các phòng ban mới thiết lập, các hệ thống đại lý mới trên toàn cầu, để tạo thành khối thống nhất bổ sung tương tác trong kinh doanh chung của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện đưa vào khai thác các khu Kho bãi chuyên nghiệp, tiếp tục mở rộng tìm kiếm đối tác để phát triển mảng dự án đầu tư cầu cảng.

Các rủi ro:

Dù có nhiều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2016, song phải thừa nhận rằng vẫn không ít những thách thức phía trước. Sự tăng trưởng chậm lại của các nền kinh tế lớn sẽ ảnh hưởng đến Việt Nam. Sự sụt giảm hàng hóa, giảm tốc của kinh tế Trung Quốc và biến động tài chính toàn cầu đã có những ảnh hưởng đến các khu vực. Ngân hàng Trung Quốc gây sốc trên thị trường tài chính thế giới khi liên tiếp phá giá đồng Nhân dân tệ. Ngoài ra một loạt các vụ tấn công khủng bố trên thế giới trong năm 2015 cũng đã gióng lên hồi chuông báo động về bất ổn chính trị, an ninh và kinh tế toàn cầu. Thêm vào đó giá dầu và giá nguyên liệu giảm sâu tác động tiêu cực tới các nước xuất khẩu dầu và nguyên liệu lớn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 khép lại với kết quả khá khả quan, hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu đều hoàn thành kế hoạch đã đề ra từ đầu năm, mặc dù nền kinh tế VN nói chung có khởi sắc nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận của công ty mẹ:

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | KH 2015 | TH 2015 | % (TH// KH) |
|-----|----------------------|-----|---------|---------|-------------|
| 1 | Doanh thu | tỷ | 500 | 779 | 155.00 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | tỷ | 30 | 36.64 | 122.00 |

2. Tổ chức và nhân sự:

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ngoài ra có các Phó Tổng Giám đốc phụ trách các mảng công việc theo phân công của Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|-------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Xuân Giang | Tổng Giám Đốc |
| 2 | Ông Trần Công Thành | Phó Tổng Giám đốc |

Quản lý khác:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------------|----------------------|
| 1 | Bà Đỗ Thị Thu Hiền | Kế toán trưởng |
| 2 | Ông Tăng Anh Quốc | Giám đốc công ty con |

Tóm tắt lý lịch Ban Tổng Giám đốc như sau:

Ông Nguyễn Xuân Giang

| | |
|--------------------------------|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 16/02/1969 |
| Nơi sinh | Hải phòng |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Sơn Tây, Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | Số 19 lô C19, Khu tập thể Thủy tinh, Ngô Quyền, Hải phòng |
| Số ĐT cơ quan | 031. 3765 820 |
| Trình độ học vấn | Kỹ sư Hàng hải |
| Quá trình công tác | - Từ 4/1999 đến 4/2003: Công tác tại công ty Vinatrans- chi nhánh Hải phòng- giữ chức Phó giám đốc chi nhánh cHải phòng - Từ 5/200 đến 12/2007: công tác tại Công ty Vinatrans Hà nội- chi nhánh Hải phòng- giữ chức Giám đốc chi nhánh Hải phòng - Từ 1/2008 đến T5/2013: giữ chức Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hải phòng Từ T5/2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty |
| Chức vụ công tác hiện nay | Chủ tịch HĐQT công ty VNT Logistics Tổng Giám đốc công ty VNT Logistics |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | 145.325 |

Ông Trần Công Thành

| | |
|--------------------|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 24/01/1976 |
| Nơi sinh | Bắc Ninh |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Bắc Ninh |
| Địa chỉ thường trú | Số 8, ngõ 165 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà nội |
| Số ĐT cơ quan | 04. 37321 090 |
| Trình độ học vấn | Cử nhân Tài chính- Kế toán |
| Quá trình công tác | - Từ 1996 đến 2003: Kế toán trưởng chi |

| | |
|--------------------------------|--|
| | nhánh Công ty VNT Logistics - Từ 2003 đến 2008: Kế toán trưởng công ty VNT Logistics - Từ 2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc công ty VNT Logistics. |
| Chức vụ công tác hiện nay | Phó Tổng Giám đốc công ty VNT Logistics |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | 59.301 |

Tổng số cán bộ, nhân viên trong công ty là : 360 người

Chính sách đối với người lao động trong công ty :

- a Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:*

Chế độ làm việc

- Công ty thực hiện chế độ 5 ngày rưỡi làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ được tính cho người lao động là từ 150% đến 300% của mức lương làm việc thông thường.
- Đối với nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội.
- Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm. Và cứ mỗi 2 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- VNT Logistics luôn chú trọng xây dựng đội ngũ lao động thông qua các biện pháp thiết thực có hiệu quả. Việc tuyển dụng được thực hiện qua thi tuyển đầu vào và tuyển dụng người theo yêu cầu công việc.
- Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ công có trình độ cũng như kỹ năng tốt, vì vậy VNT Logistics thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học đào tạo của các tổ chức giao nhận IATA, FIATA, VIFAS...các lớp học về quản trị, khoa học quản lý của các trường, viện kinh tế.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Năm 2015 vừa qua, Công ty đã có chính sách phát hành cổ phiếu theo chương trình Esop cho các cán bộ chủ chốt của Công ty, nhằm gắn lợi ích của nhân viên với lợi ích của Công ty; giữ chân và thúc đẩy những CBNV có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty; tạo thêm quyền lợi khác cho CBNV ngoài tiền lương và tiền thưởng; chế độ đãi ngộ xứng đáng cho CBNV để thu hút nhân tài và tạo cạnh tranh so với thị trường
- Để đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên của VNT Logistics, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đặc biệt chú trọng đến việc tăng đều đặn doanh thu hàng năm, giảm

thiếu những chi phí không cần thiết. Hiện tại, Công ty đã triển khai áp dụng cơ chế khoán lương theo kết quả kinh doanh, trong đó có nhiều yếu tố khuyến khích đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ công nhân viên cốt cán, có năng lực và đã có những cống hiến đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp tạo nên thu nhập cho Công ty, nâng cao chế độ trách nhiệm cụ thể của mọi chức danh công tác, nhất là đội ngũ cán bộ, chuyên viên nghiệp vụ.

- Trong nhiều năm vừa qua, VNT Logistics đã quan tâm thích đáng đến đời sống cán bộ công nhân viên trong công ty bằng việc nâng cao mức thu nhập, áp dụng chế độ khoán lương theo kết quả kinh doanh tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng định kỳ tổ chức các chuyến du lịch trong và ngoài nước cho toàn thể cán bộ công nhân viên, tiếp tục duy trì chế độ mua thẻ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho các CBCNV chủ chốt có đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Các khoản đầu tư lớn:

Công ty năm 2015 hoàn thành dự án Kho CFS với tổng kinh phí dự án hoàn thành là 5.9 tỷ, đã đi vào khai thác cùng Ngoại quan tại Hải phòng, Công ty đang xây dựng trong quá trình hoàn thiện Kho trung chuyển tại Hải phòng.

Tìm kiếm các dự án và các đối tác liên doanh liên kết đầu tư.

Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

- Tên công ty: Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành
- Tên giao dịch: Hanotrans LTD
- 02 chi nhánh: tại thành phố Hải phòng và thành phố Hồ Chí Minh
- Tình hình tài chính:

Công ty con Hanotrans là công ty 100% vốn đầu tư của công ty mẹ VNT Logistics, với vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ VNĐ, sau đó là 6 tỷ VNĐ và hiện tại vốn điều lệ là 12 tỷ VNĐ.

Công ty con Hanotrans hoạt động kinh doanh theo phương hướng và chỉ đạo thống nhất từ Ban Tổng giám đốc công ty và cũng góp phần đáng kể trong Tổng lợi nhuận của Công ty.

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Thực hiện 2015 |
|-----|----------------------|-----|----------------|
| 1 | Doanh thu | tỷ | 230.95 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | tỷ | 9.32 |

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính (hợp nhất):

ĐVT: triệu VNĐ

| Chi tiêu | Năm 2014 | Năm 2015 | Tỷ lệ % |
|----------|----------|----------|---------|
| | | | |

| | | | |
|-----------------------------------|---------|------------------------------|------|
| Tổng giá trị tài sản | 273.891 | 359.868 | 131% |
| Doanh thu thuần | 702.619 | 779.015 | 110% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 39.401 | 35.842 | 90% |
| Lợi nhuận khác | (0.58) | 0.8 | |
| Lợi nhuận trước thuế | 38.819 | 36.645 | 94% |
| Lợi nhuận sau thuế | 28.484 | 28.908 | 101% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 20 | 10% bằng tiền 50% bằng CP | |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất):

| Các chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2015 | Ghi chú |
|--|--------------|--------------|-----------------------------|
| Chi tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | 1.32 1.32 | 1.28 1.28 | Không có hàng tồn kho |
| 2. Chi tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | 0.57 1.31 | 0.63 1.70 | |
| Chi tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 2.57 | 2.16 | Không có |
| | | | |

| | | | |
|--------------------------------------|------|------|--|
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần | 0.04 | 0.03 | |
| + Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH | 0.24 | 0.21 | |
| + Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản | 0.10 | 0.10 | |
| + Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần | 0.06 | 0.04 | |

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ phiếu: Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.585.290

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VNĐ/ cổ phần

Cổ tức đã chi: 1,000 đ/ cổ phần bằng tiền mặt, 50% bằng cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông:

Vốn góp của Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận ngoại thương Việt nam: 10.48%

Vốn góp của các đối tượng khác: 89.52%

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Kết quả kinh doanh năm 2015:

Lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt 36.64 tỷ bằng 94% so với năm 2014 là 3.81 tỷ.

So với kế hoạch ĐHCĐ giao vượt 22% (ĐHCĐ giao 30 tỷ).

Lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt 28.91 tỷ tăng nhẹ so với năm 2014 là 28.48 tỷ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015: 3.465 đồng

Cổ tức đã chia : 10% bằng tiền mặt và 50% bằng cổ phiếu.

Dự kiến chi bổ sung 5% theo NQ ĐHCĐ năm 2015.

2. Tình hình kinh doanh năm 2015:

- Đầu năm 2015 Công ty đã phát hành thành công cổ phiếu cho CB CNV chủ chốt theo chương trình Esop, tạo động lực phấn đấu cho CB CNV và gắn kết hơn với Công ty.
- Giữa năm Công ty đã phát hành thành công cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 2:1, nâng vốn điều lệ Công ty lên 85.52 tỷ để tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Hệ thống kho bãi (Kho CFS, kho Ngoại quan) đã đưa vào sử dụng, mở rộng và khai thác dịch vụ tăng doanh thu cho Công ty. Công ty đang dần hoàn thiện Kho trung chuyển để đưa vào sử dụng, đáp ứng được các yêu cầu dịch vụ của Khách hàng.
- Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác để cùng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng logistics, đầu tư cầu cảng, mở rộng quy mô dịch vụ kinh doanh của Công ty và dự kiến đầu năm 2016 có thể phát hành Trái phiếu cho các đối tác chiến lược
- Bên cạnh đó Công ty tiếp tục ổn định mặt nhân sự, luôn tìm kiếm và thu hút đội ngũ bán hàng chất lượng cao. Công ty tập trung phát triển các mảng kinh doanh

nền tảng, ổn định các phòng ban dịch vụ phụ trợ, mở rộng hệ thống đại lý để nâng cao tinh thần phục vụ khách hàng, đem lại dịch vụ tốt nhất cho Khách hàng của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Năm 2015 công ty tiếp tục có những cải tiến về cơ cấu tổ chức và các chính sách quản lý cho phù hợp với tình hình kinh doanh và phát triển của Công ty

Cụ thể:

- + Hoàn thiện hệ thống các phòng ban nghiệp vụ về nhân sự quản lý, nhân viên nghiệp vụ chuyên môn từng mảng nghiệp vụ
- + Tổ chức cho các nhân viên nghiệp vụ đi học thêm và lấy chứng chỉ về chuyên môn nghiệp vụ: Như nghiệp vụ khai thuê Hải quan, Nghiệp vụ về cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải cho hàng nguy hiểm...
- + Xây dựng cơ chế lương thưởng cụ thể cho từng kết quả công việc.
- + Triển khai với các bên cung cấp về các phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.

4. Phương hướng kinh doanh năm 2016:

1. Đầu tư vào các công ty liên kết để xây dựng cơ sở hạ tầng logistics, cầu cảng và mở rộng quy mô công ty
2. Phát triển các mảng dịch vụ chính về giao nhận hàng xuất nhập khẩu hàng không, đường biển, đại lý cho hãng tàu, giao nhận.
3. Khai thác tối đa mảng kho bãi đã hoàn thành đưa vào sử dụng
4. Tiếp tục áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến vào công việc, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho Khách hàng
5. Phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chứng từ- hiện trường và các phòng phụ trợ cho các dịch vụ của Công ty.

Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2016:

Căn cứ tình hình thực tế , Công ty đề nghị ĐHCĐ xem xét một số chỉ tiêu kế hoạch 2016 như sau:

| | |
|-------------------|--------|
| 1. Tổng Doanh thu | 500 tỷ |
| 2. Lãi trước thuế | 20 tỷ |
| 3. Cổ tức | 12 % |

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Kết quả năm 2015 Công ty đã đạt được Lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt 36.6 tỷ bằng 94% so với năm 2014 là 3.81 tỷ.

So với kế hoạch ĐHCĐ giao vượt 22% (ĐHCĐ giao 30 tỷ).

HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban TGD Công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh.

Mặc dù kinh tế Việt nam có sự khởi sắc nhưng phục hồi chậm, tính bền vững chưa cao, phụ thuộc khá nhiều vào các yếu tố bên ngoài. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước, nhất là nông sản còn nhiều khó khăn, sự liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Bên cạnh đó bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều yếu tố tác động xấu đến nền kinh tế trong nước như giá dầu giảm mạnh, thị trường tài chính tiền tệ biến động phức tạp và khó lường, ... Ban TGD Công ty đã không ngừng nỗ lực cùng với toàn thể CB CNV tìm kiếm các khách hàng

mới, xây dựng phát triển chất lượng dịch vụ để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường và khách hàng, đưa lại kết quả kinh doanh đáng tự hào cho Công ty.

.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban TGD Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty rất hiệu quả và trách nhiệm, đi theo định hướng của HĐQT đề ra, phát triển các cơ sở nền tảng của Công ty để vượt qua khó khăn thực hiện thành công các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và ĐHCĐ thường niên năm 2015 đã đề ra.
- Tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư cơ sở hạ tầng logistics, mở rộng kinh doanh, tìm kiếm được các đối tác quan trọng cùng hợp tác trên cơ sở lợi ích 2 bên.
- Triển khai thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu cho CB CNV chủ chốt để gắn kết lợi ích Công ty với lợi ích của người lao động, phát hành cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 từ nguồn vốn của chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường
- Ban TGD luôn hoạch định các chiến lược và đưa ra các quyết định chỉ đạo sát sao, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế., hiệu quả đầu tư cao.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

| | | |
|----|-----------------------|--|
| 1. | Ông Nguyễn Xuân Giang | Chủ tịch Hội đồng quản trị Từ 4/1999 đến 4/2003: công tác tại Công ty Vinatrans – Chi nhánh Hải Phòng – giữ chức Phó Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng. Từ 5/2003 đến 12/2007: công tác tại Công ty VNT Logistics – Chi nhánh Hải Phòng – giữ chức Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng. Từ 4/2009 đến 5/2013: Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kiêm Phó Tổng Giám đốc và Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương Từ 5/2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương. |
| 2 | Ông Trần Công Thành | Ủy viên Hội đồng quản trị Từ 1996 đến 2003: Kế toán trưởng chi nhánh Công ty Vinatrans tại Hà nội. - Từ 2003 đến 2008: Kế toán trưởng Công ty Vinatrans Hà nội - Từ 2008 đến 5/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương. - Từ 5/2013 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương |
| 3 | Ông Bùi Ngọc Loan | Ủy viên Hội đồng quản trị Từ năm 1975 đến 2008: làm việc tại Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương. Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới Tháng 4/ 2009 đến nay: Ủy viên |

TIN ANH / P //

| | | |
|---|--------------------|--|
| | | HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương |
| 4 | Ông Vũ Thế Đức | Ủy viên Hội đồng quản trị Từ năm 1983 đến 1987: Làm việc tại Viện dầu khí Việt Nam tại Hà Nội. Từ năm 1987 đến nay: Làm việc tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh-Vinatrans Tháng 1 năm 2009 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh-Vinatrans Từ tháng 4/ 2009 đến 5/2013: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương Từ 5/2013 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương |
| 5 | Ông Lương Ngọc Bảo | Ủy viên Hội đồng quản trị Hiện là Phó tổng Giám đốc công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận ngoại thương Việt nam |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015 HĐQT với 05 thành viên đã tích cực phối hợp với Ban TGD để triển khai các vấn đề quan trọng mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 đã thông qua:

- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015.
- Chỉ đạo việc khai thác khu Kho bãi CFS tại Hải phòng đã hoàn thiện từ tháng 3/2015 và quyết toán đưa vào hoạt động từng phần.
- Giám sát việc hoàn thiện kho trung chuyển, sẽ hoàn thành vào đầu năm 2016
- Chỉ đạo hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình Esop
- Giám sát việc giao cho Ban TGD triển khai phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Giám sát việc giao cho Ban giám đốc tìm đối tác chiến lược để thành lập công ty liên doanh xây dựng cơ sở hạ tầng logistics tại Hải phòng.
- Chỉ đạo thực hiện việc bổ sung thêm phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, dự kiến hoàn thành vào đầu năm 2016.
- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, có hiệu lực cao,

không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban Giám đốc.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 3 thành viên :

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-------------------------|--------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Bích Liên | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Lan Hương | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 | Bà Dương Minh Châu | Thành viên Ban Kiểm soát |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- BKS rà soát chặt chẽ kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế thị trường mang lại hiệu quả thiết thực cho công ty và các cổ đông. HĐQT công ty đã triển khai thực hiện tốt các lĩnh vực quản lý điều hành SXKD phù hợp với tình hình thực tiễn, đẩy mạnh các mặt công tác và chất lượng dịch vụ.
- Giám sát việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo NQ ĐHĐCĐ 2015. Đã hoàn thành việc bán 270.000 CP cho CB chủ chốt trong công ty trong tháng 3.2015 và hoàn thành việc phát hành Cp tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu trong tháng 7.2015
- Tiếp tục giám sát việc phát hành trái phiếu chuyển đổi theo NQ ĐHĐCĐ bất thường lần 1.2015.
- HĐQT thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật
- Tổ chức giám sát Ban giám đốc điều hành, quan tâm kiện toàn công tác tổ chức cán bộ quản lý trong toàn Công ty.
- Ban giám đốc điều hành đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo Pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty; thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban giám đốc điều hành công ty đã không ngừng phát huy nội lực với tinh thần đoàn kết vì lợi ích của Công ty và lợi ích của các cổ đông, đã điều hành hoàn thành vượt kế hoạch cả năm 2015.

Năm 2015 HĐQT và Ban giám đốc điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD của công ty, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và lợi ích

cho công ty cũng như quyền lợi cho các cổ đông

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Chi tiết thu nhập | Thu nhập/tháng(tr đ) |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|----------------------|
| 1 | Nguyễn Xuân Giang | Chủ tịch HĐQT T UV | Thù lao | 6 |
| 2 | Trần Công Thành | HĐQ T UV | Thù lao | 5 |
| 3 | Vũ Thế Đức | HĐQ T UV | Thù lao | 5 |
| 4 | Bùi Ngọc Loan | HĐQ T UV | Thù lao | 5 |
| 5 | Lương Ngọc Bảo | HĐQ T | Thù lao | 5 |
| 6 | Nguyễn Xuân Giang | TGD | Lương | 45 |
| 7 | Trần Công Thành | P. TGD | Lương | 40 |
| 8 | Nguyễn Thị Bích Liên | Trưởng BKS | Thù lao | 4 |
| 9 | Dương Minh Châu | Trưởng BKS | Thù lao | 0.7 |
| 11 | Nguyễn Thị Lan Hương | Trưởng BKS | Thù lao | 0.7 |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định theo pháp luật về quản trị công ty

Số: 16.123HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông****CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT-TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0544-2013-026-1

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Th. minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 291.330.786.681 | 215.692.647.466 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 13.045.282.366 | 80.039.189.952 |
| 1. Tiền | 111 | | 13.045.282.366 | 23.210.965.058 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 56.828.224.894 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 9.525.000.000 | 9.525.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | 5.2 | 9.525.000.000 | 9.525.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 268.098.811.253 | 125.583.489.279 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 89.380.753.492 | 87.066.295.468 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 8.416.948.976 | 7.569.594.631 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.4 | 172.907.675.129 | 33.023.747.326 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.5 | (2.606.566.344) | (2.076.148.146) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 661.693.062 | 544.968.235 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 220.730.532 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 661.693.062 | 324.237.703 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 68.537.367.534 | 58.198.083.903 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 3.870.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.4 | - | 3.870.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 53.175.964.491 | 50.623.874.472 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.7 | 51.310.201.420 | 48.948.543.448 |
| Nguyên giá | 222 | | 85.825.696.098 | 75.807.752.334 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (34.515.494.678) | (26.859.208.886) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.8 | 1.865.763.071 | 1.675.331.024 |
| Nguyên giá | 228 | | 3.425.638.786 | 3.015.538.786 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.559.875.715) | (1.340.207.762) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 14.419.325.635 | 2.777.388.429 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.6 | 14.419.325.635 | 2.777.388.429 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 942.077.408 | 926.821.002 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 942.077.408 | 926.821.002 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 359.868.154.215 | 273.890.731.369 |

(Xem tiếp trang sau)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Th. minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|----------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 226.828.918.746 | 155.175.964.558 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 226.828.918.746 | 155.175.964.558 |
| 1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.11 | 120.942.468.384 | 130.856.192.723 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 2.335.403.524 | 10.037.427.715 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.12 | 3.983.490.591 | 5.299.676.477 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.832.629.384 | 4.283.652.366 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 565.789.404 | 714.328.877 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.13 | 8.813.629.026 | 3.984.686.400 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.10 | 87.355.508.433 | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 133.039.235.469 | 118.714.766.811 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.14.1 | 133.039.235.469 | 118.714.766.811 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 5.14.2 | 85.852.900.000 | 54.720.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 85.852.900.000 | 54.720.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 2.379.300.000 | 1.029.300.000 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (817.208.082) | (817.208.082) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 5.14.6 | 9.400.293.842 | 9.400.293.842 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 5.14.6 | 7.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 29.223.949.709 | 48.382.381.051 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 8.941.022.499 | 48.382.381.051 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 20.282.927.210 | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 359.868.154.215 | 273.890.731.369 |

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THỊ THU HIỀN

ĐỖ THỊ THU HIỀN



NGUYỄN XUÂN GIANG

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|----------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 779.014.617.790 | 702.618.881.485 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 779.014.617.790 | 702.618.881.485 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 714.918.167.406 | 648.146.779.506 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 64.096.450.384 | 54.472.101.979 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 6.750.564.245 | 10.183.467.185 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 7.066.805.054 | 1.430.796.167 |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | 3.430.774.342 | - |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.5 | 27.937.839.604 | 23.823.958.604 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 35.842.369.971 | 39.400.814.393 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | | 821.523.643 | 817.116.016 |
| 10. Chi phí khác | 32 | | 18.654.524 | 1.398.762.856 |
| 11. Lợi nhuận khác | 40 | | 802.869.119 | (581.646.840) |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 36.645.239.090 | 38.819.167.553 |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.7 | 7.737.389.001 | 10.335.020.255 |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 28.907.850.089 | 28.484.147.298 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 28.907.850.089 | 28.484.147.298 |
| 16. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu | 70 | 5.14.5 | 3.465 | 3.414 |

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐỖ THỊ THU HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THU HIỀN

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016



NGUYỄN XUÂN GIANG

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|----------|-------------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 36.645.239.090 | 38.819.167.553 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ | 02 | | 7.875.953.745 | 6.181.702.588 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 530.418.198 | (143.664.353) |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 149.260.847 | 120.073.714 |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (3.512.232.415) | (7.250.388.605) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 3.430.774.342 | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 45.119.413.807 | 37.726.890.897 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (139.026.580.863) | (25.241.769.701) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (18.195.715.296) | (5.562.473.619) |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 205.474.126 | (56.491.996) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (3.430.774.342) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (8.572.574.711) | (9.991.863.855) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 600.000.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (4.551.891.431) | (3.023.410.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (128.452.648.710) | (5.549.118.274) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (18.448.366.136) | (17.243.074.335) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 52.727.273 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 3.512.232.415 | 7.197.661.332 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (14.936.133.721) | (9.992.685.730) |

(Xem trang tiếp theo)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT(Theo phương pháp gián tiếp)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|----------|------------------|------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 4.050.000.000 | - |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | 7.2 | 149.700.404.798 | - |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 7.3 | (62.344.896.365) | - |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (15.047.612.000) | (15.238.324.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 76.357.896.433 | (15.238.324.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | (67.030.885.998) | (30.780.128.004) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 80.039.189.952 | 110.642.753.737 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 36.978.412 | 176.564.219 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 5.1 | 13.045.282.366 | 80.039.189.952 |

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




ĐỒ THỊ THU HIỆN

ĐỒ THỊ THU HIỆN



NGUYỄN XUÂN GIANG

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 85.852.900.000 VND.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh Hải Phòng đặt tại 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 364 nhân viên (31 tháng 12 năm 2014: 337 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giao nhận, tiếp vận.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Công ty con được hợp nhất

Công ty con của Công ty được hợp nhất là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans) với các thông tin như sau:

- Quyền biểu quyết của Công ty: 100%
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%
- Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.



W. / G / 20

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Tập đoàn đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

4.2 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

11/1/2016
D

11/1/2016
TÀI
NT

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 24 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| ▪ Tài sản cố định khác | 04 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4.9. Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

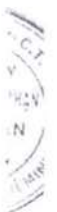
4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.



4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Tập đoàn đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

30

Y
C
P
H
A
I
T
Đ
A

30

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.18. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là khoản hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi.

4.20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- + Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- + Phí chứng từ và các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính



28
T
H
V
H
TP

1
1
1
1
1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.23. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.24. Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

| | VND | |
|--------------------------------|--------------------------------|---|
| | Đầu năm Được báo cáo lại | Đầu năm Đã được báo cáo trước đây |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | 9.525.000.000 |
| Chứng khoán kinh doanh | 9.525.000.000 | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | - | 32.001.863.039 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 32.001.863.039 | - |
| Tài sản dài hạn khác | - | 3.870.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 3.870.000.000 | - |
| Quỹ dự phòng tài chính | - | 500.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 500.000.000 | - |

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (trích):

| | VND | |
|--------------------------|----------------------------------|---|
| | Năm trước Được báo cáo lại | Năm trước Đã được báo cáo trước đây |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.414 | 5.258 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Việc điều chỉnh lại các chỉ tiêu trên là do có sự thay đổi giữa TT202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

| Tên chỉ tiêu | TT200 | CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC |
|--|-------------------------------------|--|
| Đầu tư dài hạn khác | Trình bày là Chứng khoán kinh doanh | Trình bày là Đầu tư dài hạn khác |
| Tài sản ngắn hạn khác (Tạm ứng, ký quỹ ngắn hạn) | Trình bày là Phải thu ngắn hạn khác | Trình bày là Tài sản ngắn hạn khác |
| Tài sản dài hạn khác (Ký quỹ dài hạn) | Trình bày là Phải thu dài hạn khác | Trình bày là Tài sản dài hạn khác |
| Quỹ dự phòng tài chính | Trình bày là quỹ đầu tư phát triển | Trình bày là quỹ dự phòng tài chính |

Việc điều chỉnh lại chỉ tiêu trên là do lãi cơ bản trên cổ phiếu được loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo hướng dẫn của Thông tư TT202/2014/TT-BTC và do phát hành cổ phiếu thường trong năm.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | VND | |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Tiền mặt | 1.943.389.301 | 4.179.002.536 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 11.101.893.065 | 19.031.962.522 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 56.828.224.894 |
| Cộng | 13.045.282.366 | 80.039.189.952 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5.2. Chứng khoán kinh doanh

| | Cuối kỳ | | Đầu năm | | VND |
|-------------------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | |
| Đầu tư cổ phiếu: | | | | | |
| Công ty CP Logistics Vinalink | 6.900.000.000 | - | 15.065.092.000 | 6.900.000.000 | 13.396.810.000 |
| Công ty CP Vinalfreight | 2.625.000.000 | - | 11.777.500.000 | 2.625.000.000 | 6.072.500.000 |
| Cộng | 9.525.000.000 | - | 26.842.592.000 | 9.525.000.000 | 19.469.310.000 |

(Xem trang tiếp theo)




CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
 Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5.3. Phải thu của khách hàng

| | Cuối năm | Đầu năm |
|----------------------------------|----------------|----------------|
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 89.380.753.492 | 87.066.295.468 |

VND

5.4. Phải thu khác

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|-------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 10.148.350.000 | - | 30.598.970.000 | |
| Tạm ứng | 2.295.596.721 | - | 1.407.393.039 | - |
| Phải thu khác (*) | 160.463.728.408 | - | 1.017.384.287 | - |
| Cộng | 172.907.675.129 | - | 33.023.747.326 | - |
| Dài hạn: | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | - | - | 3.870.000.000 | - |

VND

(*) Trong đó, khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hóa Dầu Quân Đội với số tiền là 160.000.000.000 VND để mua lại 90% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng MIPEC. Khoản đặt cọc này được bảo lãnh bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) theo Thư bảo lãnh số 049300361500219 và số 019300361500223, ngày 29 tháng 12 năm 2015.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
 Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5.5. Nợ xấu

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

| | Cuối năm | | | Đầu năm | | | VND |
|---|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|-------------------|-----|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | |
| Công ty TNHH MTV Chế Tạo Thiết Bị và Đóng Tàu Hải Phòng | 1.115.620.730 | - | Trên 3 năm | 1.483.387.730 | 445.016.319 | 2,5 năm | |
| Công ty Cổ phần Giao Nhận DMG Hà Nội | 1.076.916.344 | 689.229.780 | 0,5 - 2 năm | 338.873.320 | 338.873.320 | Dưới 0,5 năm | |
| Các khách hàng khác | 1.887.701.858 | 784.442.808 | 0,5 - 3 năm | 1.674.235.434 | 636.458.699 | 0,5 - 3 năm | |
| Cộng | 4.080.238.932 | 1.473.672.588 | | 3.496.496.484 | 1.420.348.338 | | |

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | VND | |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Đường vào kho trung chuyển | 10.105.678.636 | - |
| Kho trung chuyển | 4.244.307.999 | - |
| Kho CFS 1200m2 | - | 2.683.049.429 |
| Công trình khác | 69.339.000 | 94.339.000 |
| Cộng | 14.419.325.635 | 2.777.388.429 |

(Xem trang tiếp theo)



NGƯỜI CỐ ĐÓNG CHỮ

CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ hữu hình khác | Tổng cộng |
|--------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------|
| Nguyên giá: | | | | | | VND |
| Số dư đầu năm | 29.177.896.025 | 5.291.834.164 | 39.795.545.738 | 743.106.407 | 799.370.000 | 75.807.752.334 |
| Mua trong năm | 83.302.920 | 3.079.790.910 | 666.358.182 | - | - | 3.829.452.012 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 6.188.491.752 | - | - | - | - | 6.188.491.752 |
| Số dư cuối năm | 35.449.690.697 | 8.371.625.074 | 40.461.903.920 | 743.106.407 | 799.370.000 | 85.825.696.098 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 4.590.068.637 | 1.885.842.693 | 19.683.225.120 | 589.045.531 | 111.026.905 | 26.859.208.886 |
| Khấu hao trong năm | 1.693.478.320 | 831.342.722 | 4.866.552.173 | 65.070.073 | 199.842.504 | 7.656.285.792 |
| Số dư cuối năm | 6.283.546.957 | 2.717.185.415 | 24.549.777.293 | 654.115.604 | 310.869.409 | 34.515.494.678 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 24.587.827.388 | 3.405.991.471 | 20.112.320.618 | 154.060.876 | 688.343.095 | 48.948.543.448 |
| Tại ngày cuối năm | 29.166.143.740 | 5.654.439.659 | 15.912.126.627 | 88.990.803 | 488.500.591 | 51.310.201.420 |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.670.640.901 VND.

(Xem trang tiếp theo)

10/10/2011 10:10:10 AM TO: 10/10/2011 10:10:10 AM

ĐA NG C PI HẬP AIT

CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | VND |
|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | | | Tổng cộng |
| Nguyên giá: | | | |
| Số dư đầu năm | 2.642.410.677 | 373.128.109 | 3.015.538.786 |
| Mua trong năm | - | 410.100.000 | 410.100.000 |
| Số dư cuối năm | <u>2.642.410.677</u> | <u>783.228.109</u> | <u>3.425.638.786</u> |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Số dư đầu năm | 1.041.997.278 | 298.210.484 | 1.340.207.762 |
| Khấu hao trong năm | 124.852.140 | 94.815.813 | 219.667.953 |
| Số dư cuối năm | <u>1.166.849.418</u> | <u>393.026.297</u> | <u>1.559.875.715</u> |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Tại ngày đầu năm | 1.600.413.399 | 74.917.625 | 1.675.331.024 |
| Tại ngày cuối năm | <u>1.475.561.259</u> | <u>390.201.812</u> | <u>1.865.763.071</u> |

Giá trị còn lại cuối kỳ của TCSĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.149.953.544 VND – Xem thêm mục 5.10.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 184.515.600 VND

5.9. Chi phí trả trước

Là giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Công ty phân bổ 50% giá trị công cụ, dụng cụ khi đưa vào sử dụng và 50% giá trị còn lại được phân bổ vào năm thứ 2 tính từ lúc phát sinh.

(Xem tiếp trang sau)

11/01/2018

8. TÀI VỤ HU

11/01/2018

CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

| | Cuối năm | | Trong năm | | Đầu năm | | VND |
|--|----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|---------|-----------------------|-----|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | |
| Vay ngắn hạn | 87.355.508.433 | 87.355.508.433 | 149.700.404.798 | 62.344.896.365 | - | - | - |
| Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau: | | | | | | | |
| | Loại tiền | Hạn mức | Lãi suất | Cuối năm | Đầu năm | | VND |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Hà Nội | VND | 50.000.000.000 | 9,5% | 11.874.363.680 | - | (a) | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân | VND | 50.000.000.000 | 7,5% | 31.481.144.753 | - | (b) | - |
| Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam | VND | 35.000.000.000 | 8,0% | 24.000.000.000 | - | (c) | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt | VND | 20.000.000.000 | 9% - 9,5% | 20.000.000.000 | - | (d) | - |
| Cộng | | | | 87.355.508.433 | | | |

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) và (b) Khoản vay được vay tín chấp.

(c) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 245923 do Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 04 năm 2010 – Xem thêm mục 5.8. Phần hạn mức còn lại được vay tín chấp.

(d) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Sổ tiết kiệm số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 của ông Nguyễn Xuân Giang với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 1.970.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND. Phần hạn mức còn lại được vay tín chấp.

11/01/2015



CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Cuối năm | | Đầu năm | | VND |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | |
| Các khoản phải trả người bán ngắn hạn: | | | | | |
| Regional Container Lines Public Co., | 62.998.445.941 | 62.998.445.941 | 70.957.175.353 | 70.957.175.353 | |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 57.944.022.443 | 57.944.022.443 | 59.899.017.370 | 59.899.017.370 | |
| Cộng | 120.942.468.384 | 120.942.468.384 | 130.856.192.723 | 130.856.192.723 | |

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Đầu năm | | Số đã thực nộp trong năm | | Số cuối năm |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-------------|
| | Giá trị | Số phải nộp trong năm | Giá trị | Số đã thực nộp trong năm | |
| Thuế giá trị gia tăng | 184.782.573 | 5.137.994.837 | 4.834.341.846 | 488.435.564 | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.247.625.039 | 7.737.389.001 | 8.572.574.711 | 1.412.439.329 | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.082.074.259 | 5.566.551.424 | 6.031.638.822 | 616.986.861 | |
| Các loại thuế khác | 1.785.194.606 | 17.814.917.953 | 18.134.483.722 | 1.465.628.837 | |
| Cộng | 5.299.676.477 | 36.256.853.215 | 37.573.039.101 | 3.983.490.591 | |

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số phải nộp trong năm | Giá trị | Số đã thực nộp trong năm |
| Nhận tiền cược cho thuê container lạnh | 8.207.385.653 | 8.207.385.653 | 2.392.704.275 | 2.392.704.275 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 24.496.665 | 24.496.665 | 990.618.665 | 990.618.665 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 581.746.708 | 581.746.708 | 601.363.460 | 601.363.460 |
| Cộng | 8.813.629.026 | 8.813.629.026 | 3.984.686.400 | 3.984.686.400 |

CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5.14. Vốn chủ sở hữu**5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | | | Cộng |
|---|------------------------------------|----------------------|------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | |
| Số dư đầu năm trước | 54.720.000 | 1.029.300 | (817.208) | 9.400.294 | 5.000.000 | 42.134.378 | 111.466.764 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - | 28.484.147 | 28.484.147 |
| Trích quỹ thuộc nguồn vốn | - | - | - | - | 1.000.000 | (1.000.000) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | (4.424.602) | (4.424.602) |
| Chia cổ tức đợt 2/2013 | - | - | - | - | - | (5.416.600) | (5.416.600) |
| Chia cổ tức đợt 3/2013 | - | - | - | - | - | (5.416.600) | (5.416.600) |
| Tạm ứng cổ tức đợt 1/2014 | - | - | - | - | - | (5.416.600) | (5.416.600) |
| Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát | - | - | - | - | - | (540.812) | (540.812) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | (20.930) | (20.930) |
| Số dư đầu năm nay | 54.720.000 | 1.029.300 | (817.208) | 9.400.294 | 6.000.000 | 48.382.381 | 118.714.767 |
| Tăng vốn trong năm nay | 31.132.900 | 1.350.000 | - | - | - | (28.432.900) | 4.050.000 |
| Trích quỹ thuộc nguồn vốn | - | - | - | - | 1.000.000 | (1.000.000) | - |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | - | 28.907.850 | 28.907.850 |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | (3.982.209) | (3.982.209) |
| Chia cổ tức đợt 2/2014 | - | - | - | - | - | (2.708.300) | (2.708.300) |
| Chia cổ tức đợt 3/2014 | - | - | - | - | - | (2.843.300) | (2.843.300) |
| Tạm ứng cổ tức đợt 1/2015 | - | - | - | - | - | (8.529.890) | (8.529.890) |
| Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát | - | - | - | - | - | (569.683) | (569.683) |
| Số dư cuối năm nay | 85.852.900 | 2.379.300 | (817.208) | 9.400.294 | 7.000.000 | 29.223.949 | 133.039.235 |

ĐVT: Ngân đồng



CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Vốn góp của Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương | 9.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 76.852.900.000 | 48.720.000.000 |
| Cộng | 85.852.900.000 | 54.720.000.000 |

5.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | VND | |
|----------------------------|----------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | | |
| Vốn góp đầu năm | 54.720.000.000 | 54.720.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | 31.132.900.000 | - |
| Vốn góp cuối kỳ | 85.852.900.000 | 54.720.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 14.081.490.000 | 16.249.800.000 |

5.14.4. Cổ phiếu

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|-----------|-----------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 8.585.290 | 5.472.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 8.585.290 | 5.472.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 55.400 | 55.400 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 8.529.890 | 5.416.600 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.14.5. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | VND | |
|---|-----------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty | 28.907.850.089 | 28.484.147.298 |
| Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | (4.336.177.513) | (4.272.622.095) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 24.571.672.576 | 24.211.525.203 |
| Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ | 7.091.972 | 7.091.972 |
| Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu | 3.465 | 3.414 |

5.14.6. Các quỹ của doanh nghiệp

| | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu |
|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|
| Số dư đầu năm | 9.400.293.842 | 6.000.000.000 |
| Trích trong năm | - | 1.000.000.000 |
| Số dư cuối năm | 9.400.293.842 | 7.000.000.000 |



5.19. Các khoản mục ngoại bảng của báo cáo tài chính hợp nhất

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------|-----------|------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 76.750,93 | 758.831,30 |
| EUR | 3.010,52 | 9.009,89 |
| JPY | 33.000,00 | 33.000,00 |
| SGD | 500,00 | 500,00 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ của Tập đoàn.

6.2. Giá vốn hàng bán

| | VND | |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân công | 51.297.016.040 | 42.406.821.617 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 939.779.756 | 965.991.235 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 6.429.977.828 | 5.174.240.747 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 640.367.610.664 | 584.970.977.019 |
| Chi phí bằng tiền khác | 15.883.783.118 | 14.628.748.888 |
| Cộng | 714.918.167.406 | 648.146.779.506 |

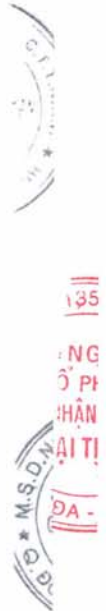
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|---|----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.976.152.415 | 5.644.081.332 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.536.093.450 | 1.553.580.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 2.804.282.869 | 2.619.660.119 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 434.035.511 | 366.145.734 |
| Cộng | 6.750.564.245 | 10.183.467.185 |

6.4. Chi phí tài chính

| | VND | |
|--|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi vay | 3.430.774.342 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 3.052.734.354 | 944.576.719 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 583.296.358 | 486.219.448 |
| Cộng | 7.066.805.054 | 1.430.796.167 |

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | VND | |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân công | 9.675.895.686 | 9.320.893.582 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 370.134.058 | 311.171.716 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.445.975.917 | 1.007.461.841 |
| Thuế, phí và lệ phí | 356.021.240 | 231.192.484 |
| Chi phí dự phòng | 530.418.198 | (72.671.436) |
| Chi phí khác bằng tiền | 15.559.394.505 | 13.025.910.417 |
| Cộng | <u>27.937.839.604</u> | <u>23.823.958.604</u> |

6.6. Chi phí sản xuất theo yếu tố

| | VND | |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân công | 60.972.911.726 | 51.727.715.199 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 1.309.913.814 | 1.277.162.951 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.875.953.745 | 6.181.702.588 |
| Thuế, phí và lệ phí | 356.021.240 | 231.192.484 |
| Chi phí tài chính | 7.066.805.054 | 1.430.796.167 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 640.367.610.664 | 584.970.977.019 |
| Chi phí khác | 31.973.595.821 | 28.980.750.725 |
| Cộng | <u>749.922.812.064</u> | <u>674.800.297.133</u> |

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | VND | |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | 36.645.239.090 | 38.819.167.553 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 60.790.916 | 1.257.024.070 |
| Trừ: Cổ tức được chia | (1.536.080.000) | (1.553.580.000) |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính | 35.169.950.006 | 38.522.611.623 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 22% | 22% |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính | 7.737.389.001 | 8.474.974.557 |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác | - | 1.860.045.698 |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | <u>7.737.389.001</u> | <u>10.335.020.255</u> |

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là các khoản lợi nhuận, cổ tức thu được từ đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai

| | Năm nay | VND Năm trước |
|---|----------------|------------------|
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển thành vốn góp của chủ sở hữu | 28.432.900.000 | - |

7.2. Các khoản đi vay thực thu trong kỳ

| | VND |
|---|-----------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 149.700.404.798 |

7.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

| | VND |
|--|----------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 62.344.896.365 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
M.S.D.N.
C.T.Ư.Ư.Ư.
Hà Nội

CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội
- Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Hà Nội | | Hải Phòng | | Loại trừ | | Tổng cộng | | Triệu VND |
|---|----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------|----------------|----------------|-----------|
| | 2015 | 2014 | 2015 | 2014 | 2015 | 2014 | 2015 | 2014 | |
| Doanh thu | | | | | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 553.942 | 551.762 | 225.073 | 150.857 | - | - | 779.015 | 702.619 | |
| Giữa các bộ phận | 46.966 | 41.677 | 15.794 | 17.090 | (62.760) | (58.766) | - | - | |
| Cộng | 600.908 | 593.439 | 240.867 | 167.947 | (62.760) | (58.766) | 779.015 | 702.619 | |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | | | | | |
| Kết quả của bộ phận | 21.423 | 29.574 | 14.736 | 24.898 | - | - | 36.159 | 54.472 | |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính | 21.423 | 14.957 | 14.736 | 15.692 | - | - | 36.159 | 30.648 | |
| Thu nhập tài chính | 4.419 | 6.380 | 2.331 | 3.803 | - | - | 6.751 | 10.183 | |
| Chi phí tài chính | 4.151 | 543 | 2.916 | 888 | - | - | 7.067 | 1.431 | |
| Lợi nhuận trước thuế | 582 | (911) | 220 | 330 | - | - | 803 | (582) | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.575 | 6.169 | 3.162 | 4.166 | - | - | 7.737 | 10.335 | |
| Lợi nhuận sau thuế | 17.698 | 13.714 | 11.209 | 14.771 | - | - | 28.909 | 28.484 | |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

| | Hà Nội | | Hải Phòng | | Loại trừ | | Tổng công | |
|---------------------------|---------|---------|-----------|----------|----------|----------|----------------|----------------|
| | 2015 | 2014 | 2015 | 2014 | 2015 | 2015 | 2015 | 2014 |
| Các thông tin khác | | | | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 282.572 | 183.361 | 144.586 | 131.222 | (67.290) | (40.692) | 359.868 | 273.891 |
| Tổng tài sản | | | | | | | 359.868 | 273.891 |
| Nợ phải trả của bộ phận | 149.533 | 64.646 | 144.586 | 131.222 | (67.290) | (40.692) | 226.829 | 155.176 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | | 226.829 | 155.176 |
| Chi phí mua sắm tài sản | (204) | (3.124) | (18.245) | (14.119) | - | - | (18.448) | (17.243) |
| Chi phí khấu hao | 1.097 | 791 | 6.779 | 5.391 | - | - | 7.876 | 6.182 |

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất vì hoạt động của Tập đoàn chỉ là cung cấp dịch vụ logistics nên báo cáo kết quả kinh doanh đã trình bày doanh thu, chi phí và thu nhập của hoạt động, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

| <u>Danh sách các bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| 1. Công ty TNHH Giao nhận Vận Tải Hà Thành | Công ty con |
| 2. Ông Nguyễn Xuân Giang | Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Trần Công Thành | Phó Tổng Giám đốc |

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

| | | VND |
|--|---------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Ông Nguyễn Xuân Giang | | |
| Thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.10 | 4.470.000.000 | - |

Giao dịch nội bộ giữa khác các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như sau:

| | | VND |
|---|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thù lao Hội đồng quản trị của tập đoàn | 555.555.560 | 312.000.000 |
| Thu nhập Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn | 1.020.000.000 | 1.020.000.000 |
| Cộng | 1.575.555.560 | 1.332.000.000 |

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 03 năm 2016.

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐỖ THỊ THU HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THỊ THU HIỀN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN GIANG



10/03/2016
T
H
V
H
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Công Thành

